TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Sao và ông A Wũ.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Công Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-6-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 15-02-2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-5-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06-6-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương H1, sinh năm ……. (Có mặt);

2. Bị đơn: Anh Vi H2, sinh năm …... (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện T, tỉnh Kon Tum.

3. Người làm chứng:

+ Bà Lang T, sinh năm …... (Có mặt);

+ Bà Vi Th, sinh năm ……. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – chị Trương H1 trình bày:

Chị và anh Vi H2 tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-4-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con, nên thường xuyên cãi vã, thậm chí còn đánh đập nhau. Mặc dù vợ chồng và người thân hai bên đã nhiều lần, góp ý, tìm cách giải quyết nH2 không có kết quả. Mâu thuẫn ngày một gay gắt nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Vào năm 2022, chị H1 có làm đơn khởi kiện xin ly hôn, nH2 sau đó đã rút lại đơn với mong muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái; tuy nhiên đến nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bởi vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị H1 có 01 con chung tên Vi Ng, sinh ngày 24-01-2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về phía bị đơn: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập để tham gia tố tụng, nH2 anh ViH2 luôn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử; thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử vụ án. Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn và những người làm chứng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 78 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương H1 và anh ViH2 được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lập được. Do chị Trương H1 không yêu cầu, nên anh ViH2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh ViH2. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh H2 có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nH2 bị đơn vắng mặt không có lý do; người làm chứng - bà Vi Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử; nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh H2 và Chon.

[3] Về nội dung vụ án:

[4] Đối với quan hệ hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện anh H2 và chị H1 tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 10-4-2018 do Uỷ ban nhân dân xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy cấp. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được pháp luật công nhận.

[5] Theo trình bày của chị H1, sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách thức nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đánh đập nhau. Mặc dù chị và anh H2 đã tự tìm cách giải quyết, người thân hai bên vợ, chồng cùng đã nhiều lần khuyên răn nH2 vẫn không có kết quả. Kể từ năm 2019 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân và hoàn toàn không liên lạc, quan tâm đến nhau. Vào năm 2022, chị H1 đã một lần khởi kiện xin ly hôn, nH2 sau đó rút lại đơn với mong muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái; tuy nhiên cho đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng lớn hơn.

[6] Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H2 và chị H1 cũng được người làm chứng – Bà Lang T và bà Vi Th xác nhận. Theo trình bày của bà Thìn và bà Chon, quá trình kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2, như nguyên đơn trình bày là đúng.

[7] Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nH2 anh H2 không tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh của Tòa án và lời trình bày của người làm chứng thì hiện nay anh H2 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không biết đi đâu, làm gì.

[8] Với những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 đến nay đã thật sự trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị H1 và anh H2 được ly hôn.

[9] Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung tên Vi Ng, sinh ngày 24-01-2017, hiện đang sinh sống cùng chị H1. Quá trình tham gia tố tụng chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khuê; không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[10] Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H2 không có ý kiến về việc nuôi con. Hơn nữa, hiện nay bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, không biết đi đâu, làm gì, nên không thể giao con chung cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, kể từ khi vợ chồng anh H2 – chị H1 sống ly thân thì cháu Khuê luôn sinh sống cùng mẹ. Do vậy, chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H1.

[11] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương H1 không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[13] Về án phí: Chị Trương H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương H1;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương H1 và anh Vi H2 được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung - cháu Vi Ng, sinh ngày 24-01-2017 cho chị Trương H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Vi Ng đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh ViH2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Về án phí: Chị Trương H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA /2021/0004165, ngày 15-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Chị H1 đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26-6-2023), nguyên đơn quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Sa Thầy;
- UBND tt. Sa Thầy, h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Trường Thọ